

GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ TRONG TIẾNG PA CÔ (Trên cơ sở ngữ liệu ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế)

HỒ XUÂN HẢI*

Abstract: The cultural space of survival as well as the traditions and cultural practices of the Pacoh people have been expressed in a specific and vivid way through the system of idioms and proverbs. Based on a corpus of 400 idiomatic and proverbial units collected in Pacoh language in A Lưới district, Thừa Thiên Huế province, the article analyzes and describes the expressive values of the idioms and proverbs to highlight the material and spiritual life of the Pacoh people in this area.

Keywords: *expressive value, idioms, proverbs, Pacoh language.*

1. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong lịch sử phát triển xã hội, các dân tộc anh em đã xây dựng mối đoàn kết, thống nhất tạo nên một cộng đồng văn hóa đa dạng. Đây chính là điều kiện thuận lợi để mỗi dân tộc có thể phát huy những giá trị mang tính bản sắc của dân tộc mình. Bởi lẽ, mỗi cộng đồng dân tộc đều có nền văn hóa riêng với nhiều sắc thái phong phú và sự phát triển riêng biệt. Trong mạch vận động đó, văn học dân gian đặc biệt là thành ngữ, tục ngữ của các dân tộc nói chung, của đồng bào Pa Cô nói riêng đã góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú cho kho tàng văn học Việt Nam.

2. Những vấn đề chung

2.1. *Thành ngữ* (idioms) và *tục ngữ* (proverbs) là những đơn vị (cụm từ) đặc biệt trong hệ thống giao tiếp của con người. Về khái niệm thành ngữ và tục ngữ, trong ngôn ngữ học đại cương nói chung, trong tiếng Việt nói riêng đã có nhiều tác giả quan tâm. Chỉ riêng giới Việt ngữ học có thể kể đến các tác giả như Dương Quảng Hàm (1943), Cù Đình Tú (1969), Nguyễn Thiện Giáp [3], Nguyễn Như Ý [9], Nguyễn Thái Hòa (1997), Vũ Ngọc Phan (1998), Hoàng Văn Hành (2004), Nguyễn Lực (2005),... Mặc dù mỗi tác giả quan niệm về thành ngữ và tục ngữ theo một cách nhìn riêng nhưng về cơ bản là thống nhất với nhau trong định nghĩa cũng như xác định chức năng của chúng.

Về khái niệm *thành ngữ*, trong công trình 777 *khái niệm ngôn ngữ học*, Nguyễn Thiện Giáp quan niệm: “Thành ngữ là một cụm từ mà ý nghĩa của nó không được tạo thành từ các ý nghĩa của các từ cấu tạo nên nó (...). Thành ngữ có tính hoàn chỉnh về nghĩa nhưng lại có tính chất tách biệt của các thành tố trong kết cấu, do đó nó hoạt động trong câu với tư cách tương đương với một từ cá biệt” [3, tr.391]. Gần với quan niệm trên, các tác giả công trình *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, quan niệm thành ngữ là những “cụm từ hay ngữ cố định có tính nguyên khối về ngữ nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó, tức là không có nghĩa đen và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu” [5, tr. 271]. Hoàng Văn Hành trong *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ* cũng quan niệm: “Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó

* Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hồng Thủy, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

nhưng thông thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...” [4, tr.144]. Như vậy, có thể khái quát lại một quan niệm về thành ngữ như sau: *Thành ngữ là những cụm từ cố định, có chức năng định danh như từ, được sử dụng độc lập trong lời nói và đảm nhận chức năng các thành phần câu.*

Về khái niệm tục ngữ, các tác giả công trình *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* đã quan niệm rằng, tục ngữ là “câu ngắn gọn, có cấu trúc tương đối ổn định, đúc kết kinh nghiệm sống, đạo đức, tri thức của một dân tộc” [5, tr. 329]. Tương tự, các tác giả Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng và Phương Tri trong công trình *Tục ngữ Việt Nam* đã xem: “Tục ngữ là câu nói thường ngày ngắn gọn có vần hoặc không có vần, có nhịp điệu hoặc không có nhịp điệu, đúc kết kinh nghiệm sản xuất hay đấu tranh xã hội, rút ra một chân lí phổ biến, ghi lại một nhận xét về tâm lí, phong tục tập quán của nhân dân” [4, tr. 23]. Như vậy, có thể khái quát lại nội dung cơ bản như sau: *Tục ngữ là những câu nói dân gian cố định, ngắn gọn, súc tích, có ý nghĩa đầy đủ, có vần điệu, hình ảnh cụ thể, thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, xã hội, lao động sản xuất, ứng xử,...) dùng để khuyên răn hoặc chỉ dạy, được nhân dân vận dụng trong giao tiếp hàng ngày.*

2.2. Việc nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống thành ngữ, tục ngữ các dân tộc ở Việt Nam nói chung, dân tộc Pa Cô nói riêng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nghiên cứu truyền thống, bản sắc văn hóa của các dân tộc; đồng thời cung cấp những bằng chứng sinh động về đời sống văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc anh em, trong đó có dân tộc Pa Cô.

Cho đến nay, việc nghiên cứu thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô vẫn đang là mảnh đất màu mỡ chưa được khai phá nhiều. Rải rác một số công trình sưu tầm nghiên cứu văn học dân gian các dân tộc thiểu số, trong đó có văn học dân gian Pa Cô - Tà Ôi, có nhắc đến các thành ngữ, tục ngữ. Một số công trình nghiên cứu ngôn ngữ Pa Cô - Tà Ôi như *Cấu tạo từ tiếng Tà Ôi (trong sự so sánh với tiếng Việt)* [5], *Từ điển Việt - Pa Cô - Tà Ôi, Pa Cô - Tà Ôi - Việt* [7], *Tục ngữ Pa Cô - Tà Ôi* của Kê Suu,... cũng có đề cập một cách khái quát đến các thành ngữ tiếng Pa Cô, với tư cách là một đơn vị có chức năng tương đương với từ.

Trên thực tế, việc nghiên cứu, giới thiệu hệ thống thành ngữ, tục ngữ các dân tộc ít người nói chung, dân tộc Pa Cô nói riêng, càng ngày càng khó khăn bởi nhiều lí do khác nhau. Cũng như ngôn ngữ nói chung, lịch sử càng lùi xa bao nhiêu thì việc nghiên cứu, tìm hiểu nguồn gốc ra đời cũng như ý nghĩa ban đầu của các thành ngữ, tục ngữ càng khó khăn bấy nhiêu. Mặt khác, sự am hiểu và sử dụng thành ngữ, tục ngữ ở lớp trẻ người Pa Cô hiện nay ngày càng suy giảm, hạn chế; vì vậy, hệ thống thành ngữ ngày càng mai một dần; sự phức tạp về mặt ý nghĩa của từ cổ vốn xuất hiện khá phổ biến trong thể loại folklore này cũng như biến thể và cả phạm vi sử dụng hay ý nghĩa của nó giữa các vùng ở các khu vực khác nhau đã gây trở ngại không ít cho người sưu tầm, nghiên cứu.

Việc phân biệt thành ngữ/tục ngữ không phải bao giờ cũng dễ dàng, bởi có những trường hợp lưỡng khả, tức có thể xem là thành ngữ hoặc tục ngữ. Như trong tiếng Việt, *mỏng mày hay hạt* được xem là tục ngữ nếu hiểu như là một kinh nghiệm chọn giống (hạt nào vỏ mỏng thì hứa hẹn cho năng suất cao), nhưng cũng có thể được xem là thành ngữ, để nói về những người phụ nữ thanh mảnh, eo thon, có khả năng sinh đẻ tốt. Sự khác biệt thường thấy trong trường hợp lưỡng khả là: thành ngữ thường được hiểu theo nghĩa bóng, còn tục ngữ thường được hiểu theo nghĩa đen. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát giá trị biểu đạt của thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô nói chung, chỉ trong những trường hợp cần thiết mới nói rõ là thành ngữ hay tục ngữ.

2.3. Dân tộc Pa Cô sinh sống tập trung chủ yếu ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế cùng địa bàn với các cộng đồng Tà Ôi, Pa Hy, Ka Tu và Kinh. Tên gọi *Pa Cô* được giải thích với ý nghĩa là “về phía núi” hoặc “người miền núi” (*Pa* là “phía, ở về phía”, *Cô* là “núi cao”). Đồng bào dân tộc Pa Cô chiếm khoảng 42% tổng số dân toàn huyện A Lưới. Các dân tộc thiểu số ở A Lưới sinh sống rải rác thành nhiều điểm tụ cư nhỏ. Các điểm tụ cư này chủ yếu theo dòng họ, mối quan hệ có tính chất huyết thống. Nhiều dòng họ tập trung lại với nhau tạo thành một làng, một bản, có số cư trú đến vài chục nóc nhà.

2.4. Với mục đích ý nghĩa của việc nghiên cứu thành ngữ, tục ngữ gắn với đặc điểm văn hóa, dân cư của người Pa Cô, bài báo này sẽ tập trung nghiên cứu giá trị biểu đạt của hệ thống thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.5. Trên cơ sở điền dã, trực tiếp quan sát, ghi chép, ghi âm, phỏng vấn đồng bào dân tộc Pa Cô; đồng thời tham khảo các tư liệu điền dã về văn hóa dân gian của người Pa Cô ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi thu thập được 400 đơn vị thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô. Trong đó có 180 đơn vị thành ngữ và 220 đơn vị tục ngữ và chúng tôi tiến hành phân loại, miêu tả và phân tích các giá trị biểu đạt của hệ thống thành ngữ, tục ngữ ấy.

3. Giá trị biểu đạt của thành ngữ, tục ngữ trong tiếng Pa Cô ở Thừa Thiên Huế

Qua việc khảo sát 400 đơn vị thành ngữ, tục ngữ trong tiếng Pa Cô về nội dung biểu đạt, có thể thấy, toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng người Pa Cô cũng như bức tranh về thế giới tự nhiên, nơi cộng đồng người Pa Cô sinh sống, đều được phản ánh một cách cụ thể, sinh động. Giá trị biểu đạt của hệ thống thành ngữ, tục ngữ của người Pa Cô được thể hiện trên ba phương diện:

- Biểu đạt thế giới tự nhiên cũng như mối quan hệ giữa con người với tự nhiên;
- Biểu đạt đời sống văn hóa vật chất của người Pa Cô;
- Biểu đạt đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Pa Cô.

Cụ thể qua bảng sau:

Bảng giá trị biểu đạt của các thành ngữ, tục ngữ trong tiếng Pa Cô

Giá trị biểu đạt	Số lượng	Tỉ lệ %
Biểu đạt thế giới tự nhiên cũng như mối quan hệ giữa con người với tự nhiên	180	45%
Biểu đạt đời sống văn hóa vật chất của người Pa Cô	120	30%
Biểu đạt đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Pa Cô	100	25%
Tổng	400	100%

3.1. Biểu đạt thế giới tự nhiên cũng như mối quan hệ giữa con người với tự nhiên

3.1.1. Qua hệ thống thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô, bức tranh về thế giới tự nhiên như sông suối, núi rừng, nương rẫy, các loài muông thú,... được phản ánh một cách sinh động, Ví dụ:

Boaiq pong vi toop, acheeq pǎr vi yâu (cá có bầy, chim có bạn)

Hình ảnh đời sống của loài cá thường là luôn bơi theo đàn, bầy, cũng như loài chim khi bay rất cần có đồng loại làm bạn trên bầu trời bao la bất tận. Hình ảnh đó biểu thị mong ước của người Pa Cô là cuộc sống luôn cần thân nhân, bạn bè, đồng nghiệp.

Kooh lavung, trung la ngoaq (núi cao, rừng rậm)

Người dân Pa Cô sinh sống, sản xuất, xây dựng làng bản trong điều kiện địa hình núi cao, rừng rậm. Nói đến núi thì thường hình dung kích thước cao, lớn, cheo leo; còn nói đến rừng rậm thì hình dung tính chất rậm rạp, u ám, không có lối đi. Đây là hình ảnh về núi non hùng vĩ, giàu sản vật (lâm sản, khoáng sản, các loài động vật quý hiếm) nhưng cũng là hình ảnh về những thách thức của thế giới tự nhiên đối với người dân miền núi nói chung, người Pa Cô nói riêng.

Trong điều kiện sinh sống canh tác nương rẫy, leo rừng lội suối, những hiện tượng mà người dân Pa Cô thường gặp như:

A- ưq ateng, asieap kúp (dúi đốt, dơi hang) là hình ảnh con dúi làm tổ dưới gốc cây đốt, con dơi làm tổ trong hang.

Tirăi iniêng along, hong heng idup kuteé (Ong đỏ trên cây, ong đen dưới đất). Thành ngữ trên cho thấy loài ong đỏ (ong vò vẽ) chuyên làm tổ trên cây, loài ong đen (ong đất) chuyên làm tổ dưới lòng đất.

Những hình ảnh này giúp con người nhận thức rằng môi trường, điều kiện sống của mỗi người khác nhau, cần biết coi trọng điều kiện, môi trường của từng người để phát triển.

3.1.2. Trong quá trình sinh sống, xây dựng, phát triển cộng đồng, chinh phục tự nhiên, người Pa Cô đã thường xuyên trải nghiệm với môi trường tự nhiên khắc nghiệt, núi cao, rừng rậm; mưa dầm, lũ quét,... Chỉ cần nhìn vào những biểu hiện của các đối tượng trong tự nhiên như cây cỏ, muông thú, mặt trời, mặt trăng,... người ta sẽ biết được sự biến đổi của thời tiết, khí hậu, để có phương án phòng chống có hiệu quả. Một số ví dụ:

Akuôt sool ng-ing ng-ông, kloóng kling pênh daq. (Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước).

Khi nghe ếch kêu tạo âm thanh to, khỏe như có ngâm nước trong họng thì sau đó trời sẽ mưa lớn. Đây là kinh nghiệm dự đoán mưa qua tiếng kêu của ếch.

Atoóq khal ali mo, bo truh ali koóh. (Nắng đốt bao nhiêu, mưa đập bấy nhiêu)

Nếu vào mùa nắng, trời nắng hạn gay gắt bao nhiêu, thì mùa mưa tới, lượng mưa cũng sẽ dữ dội bấy nhiêu.

Katru hoóm kô puáh, a booih hoóm kô bo. (Chim cu tằm thì ráo, chim bói cá tằm thì mưa)

Chim cu tằm sông, suối thì báo hiệu trời quang nắng; còn chim bói cá tằm thì báo hiệu trời mưa ướt. Đây là kinh nghiệm dự đoán tiết trời (mưa, nắng).

Pit pântoor kô bo, lóh pântoor kô atoóq. (Văng sao thì mưa, đầy sao thì nắng)

Ban đêm nhìn lên bầu trời thấy không có sao thì ngày hôm sau trời sẽ mưa, còn có nhiều sao thì ngày sau trời nắng.

Vang kadâng rô, rbang preng, vang kadâng plúk, rbang bo. (Vòng sáng - quầng - quanh mặt trăng thì hạn, vòng mờ - tán - quanh mặt trăng thì mưa)

3.2. Biểu đạt đời sống văn hóa vật chất của người Pa Cô

3.2.1. Bên cạnh những hình ảnh núi cao, rừng rậm, cá bẫy, chim bẫy, dúi đốt, dơi hang,... là những hình ảnh về thế giới tự nhiên, môi trường sống của đồng bào Pa Cô, những hình ảnh về đời sống vật

chất, lao động sản xuất, chinh phục tự nhiên cũng được phản ánh trong thành ngữ, tục ngữ Pa Cô. Một số ví dụ:

I chat loi, ichoi kabur (tria khơi, trồng lấp) phản ánh kinh nghiệm trồng trọt của người dân vùng núi. Tria bao giờ cũng dùng cái tria để khơi lỗ vừa đủ để tra hạt giống; còn trồng bao giờ cũng dùng cái cuốc nhỏ để lấp lỗ sau khi tra hạt giống vào.

Tar-ap acho, kân chop aséh (hàm chó, vó ngựa) chỉ một trong các bộ phận trên cơ thể loài chó và loài ngựa. Con chó thì hàm răng là dữ tợn nhất, con ngựa thì cái vó là đáng sợ nhất. Tục ngữ này có ý nghĩa khái quát là: Khi tiếp xúc với những con vật, cần chú ý những bộ phận có khả năng gây nguy hiểm từ chúng.

Achiêng târnéh, aséh kâr vét (ngựa roi, voi búa) phản ánh kinh nghiệm của người dân miền núi khi điều khiển các loài vật nuôi. Điều khiển ngựa thì phải dùng roi, điều khiển voi thì phải dùng búa. Tục ngữ này mang nghĩa khái quát là: với mỗi tình huống cần, có biện pháp tương thích.

Hóng kang kinhanh kinhung, jung ati tatăq (thuốc Lào, bào Kinh) nói về giá trị đặc sắc của hai sự vật thuộc hai dân tộc. Thuốc của Lào nổi tiếng là ngon, thơm, dịu; cái bào gỗ của người Kinh nổi tiếng sắc, bén và bền. Tục ngữ này nêu lên kinh nghiệm chọn lựa sản phẩm bên ngoài để đáp ứng nhu cầu cuộc sống của người Pa Cô.

3.2.2. Bên cạnh những câu tục ngữ có nội dung phản ánh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, còn rất phổ biến những câu có nội dung phản ánh đời sống vật chất của người Pa Cô. Cuộc sống lao động sản xuất của người Pa Cô chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt, làm nương rẫy. Vì vậy những kinh nghiệm về chăn nuôi, trồng trọt mà các thế hệ người Pa Cô tích lũy được đều được phản ánh trong hệ thống tục ngữ.

a. Phản ánh kinh nghiệm trồng trọt, làm nương rẫy

Ichóoh sǎn ichǎng mǎt, ichóoh adoók itikǎt tua. (Trồng sắn thì trừa mắt, trồng khoai thì cắt ngọn)

Câu tục ngữ trên phản ánh kinh nghiệm trồng sắn, trồng khoai của đồng bào Pa Cô. Trước khi trồng sắn thì phải cắt, chặt thân cây giống thành từng khúc ngắn và phải chừa mắt để cho cây có thể nảy mầm phát triển; còn trồng khoai thì phải cắt ngọn, lá đi để nhanh tách mắt, khoai sinh trưởng tốt.

Mooih tro Yoan, poan tro he (một lúa Kinh, bốn lúa Thượng)

Tục ngữ này phản ánh kinh nghiệm của đồng bào miền núi về các giống lúa. Giống lúa của người Kinh cho năng suất gấp bốn lần so với năng suất của người bản địa (lúa thượng). Vì vậy, khi trồng lúa, nên chọn nguồn giống lúa tốt, năng suất cao.

Tida aruih, tida atêng chong, tida sóh kloong, tida jeng prăq. (Tắc rừng, tắc đá quý (kim cương), tắc suối sông, tắc vàng bạc)

Đồng bào Pa Cô nói riêng, người dân miền núi nói chung rất quý trọng vùng đất thiêng liêng mà mình đang sinh sống. Tắc hay gang đất được sánh ngang tắc hay gang đá quý; tắc sông, tắc suối được sánh ngang tắc vàng, tắc bạc. Vì vậy, câu tục ngữ này là một lời khuyên nên quý trọng tài nguyên thiên nhiên.

Jang daq a-ăi sóh, sâr kooh a-ăi krong (Muốn trồng, đào, muốn chặt, mài)

Câu tục ngữ này là sự đúc rút kinh nghiệm của đồng bào về trồng cây, chặt củi. Muốn trồng cây thì phải đào lỗ; muốn chặt cây thì phải mài rìu, rựa cho sắc. Đó là một lời khuyên về sự hỗ trợ của công cụ lao động trong hành trình mưu sinh.

b. Phản ánh kinh nghiệm chăn nuôi

Trải qua nhiều thế hệ, người Pa Cô không chỉ đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong lao động trồng trọt, làm nương rẫy, mà cả trong việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ví dụ:

Tâng kăh târlang ng-oong kândoóp (Đực vai, cái mông)

Câu tục ngữ này là sự đúc rút kinh nghiệm trong chăn nuôi gia súc. Chọn trâu giống, thường con đực thì xem vai, con cái thì xem mông; trâu đực vai nở, u nổi thì khỏe; trâu cái mông nở thì dễ đẻ con, tốt giống. Đó là kinh nghiệm chọn giống trâu tốt.

Kop alík kají a jung, kop kârróh kají moóh (Bắt heo tóm giò, bắt bò tóm mũi)

Tục ngữ này đúc kết kinh nghiệm khi bắt heo, bắt bò. Bắt heo thì phải bắt đằng chân; bắt bò thì phải bắt đằng dây xỏ qua mũi. Câu tục ngữ này cho thấy phải biết nắm đặc tính của từng loài để điều khiển chúng thì mới hữu hiệu.

c. Phản ánh kinh nghiệm săn bắt, hái lượm

Ví dụ: *Kop boaih siaq ingăi, kop tirăi kârrót idău*. (Bắt cá tôm ban ngày, bắt ong mật, vò vè ban đêm)

Tục ngữ này đúc kết kinh nghiệm của đồng bào Pa Cô trong cuộc sống mưu sinh. Cá, tôm khi đi kiếm ăn thì đi theo đàn, luồn vào ban ngày, còn ban đêm lại lặn sâu dưới đáy sông hoặc lẩn khuất dưới tảng đá. Các loại ong nói chung, khi đi kiếm ăn, kiếm mật ban ngày thường phân tán, còn ban đêm tập trung về tổ; đặc tính của ong khi chập choạng trời thì không còn thấy gì nữa. Vậy nên, tục ngữ này đúc kết kinh nghiệm chọn thời điểm thích hợp để khai thác một cách hiệu quả các sản vật tự nhiên.

Abeen boaiq ingăi, ibal akuót idău (Chài cá ban ngày, bắt ếch ban đêm)

Đây cũng là sự đúc kết kinh nghiệm khi bắt ếch, bắt cá. Ban ngày, cá thường ngoi lên, đi kiếm ăn và ban đêm lặn xuống đáy sông hoặc lẩn vào gầm đá để ngủ; ếch thì ngược lại. Mặt khác, việc thả lưới đánh bắt cá vào ban ngày sẽ thuận lợi với địa điểm hiểm trở, sông ngòi phân nhánh của vùng núi và sẽ thu được nhiều tôm cá hơn so với ban đêm; ngược lại việc bắt ếch vào ban đêm lại có kết quả tốt hơn so với ban ngày. Vì vậy, phải biết chọn thời điểm thích hợp để khai thác sản vật tự nhiên một cách hiệu quả.

Ipôk tu kooh yoók i dông koih, ipôk tu daq dong i dông mbeen mbook. (Đi rừng thì mang giáo, mác, đi suối, sông thì mang lưới, đơm)

Cuộc sống lao động sản xuất của đồng bào Pa Cô ngoài việc trồng trọt, chăn nuôi, thì còn vào rừng để săn bắn muông thú, xuống khe suối để đơm bắt tôm cá. Dụng cụ, phương tiện săn bắn chim muông, thú rừng là giáo mác; còn với loài sống dưới suối sông là lưới, đơm. Câu tục ngữ này thể hiện kinh nghiệm chọn lựa, sử dụng phương tiện, dụng cụ phù hợp trong các hoạt động săn bắt ở trên rừng và dưới nước của người Pa Cô. Tương tự:

Pôk tukooch pachăm kóih ke, pôk pidăi pachăm avinh akoók. (Đi rừng săn lao giáo, đi rẫy săn rựa tria)

Câu tục ngữ phản ánh kinh nghiệm của đồng bào Pa Cô khi lên rừng, lên rẫy. Khi có ý định đi rừng thì phải chuẩn bị lao và giáo để không chỉ làm phương tiện, công cụ cho việc khai thác sản vật rừng mà còn để phòng thân; khi có ý định đi rẫy thì phải chuẩn bị cái rựa, cái tria để phục vụ công việc phát quang, trồng trọt ở nương rẫy.

d. Phản ánh kinh nghiệm làm nhà, dựng cửa, xây dựng làng bản

Ví dụ: *Tăq veel nhoong klung, kloong, tăq Roong nhoong tinool ikăn.* (Lập làng xem đồng, sông, làm nhà rộng xem cột cái)

Câu tục ngữ này đúc kết kinh nghiệm của người Pa Cô trong việc lập làng, làm nhà. Khi muốn lập làng thì người Pa Cô phải xem chỗ đó có phải là cánh đồng bằng phẳng và bên cạnh có dòng sông nào chảy qua không để thuận tiện trong sinh hoạt, sinh sống cộng đồng. Còn khi làm nhà Rông thì phải chọn lựa kĩ cây gỗ làm cột cái. Cây đó phải không bị cây, dây hay con gì khác kí sinh, đục lỗ mới được lựa chọn.

Tăq dung săng kang ngai ânseéq (Làm nhà thì nghe lời người lớn tuổi)

Người lớn tuổi có kinh nghiệm trong việc dựng nhà dựng cửa nên khi làm nhà người ít tuổi cần phải nghe theo lời khuyên bảo của người lớn tuổi.

Pidăi ităh room, dungsu ităh târpoom târpôq (Rẫy thì làm chung công chung sức, nhà cửa thì làm nối làm liền)

Rẫy hay nhà của từng nhà, từng họ được nhiều nhà, nhiều họ trong làng chung sức làm nhưng với rẫy thì có thể ngày này làm rẫy của nhà này, ngày mai làm rẫy của nhà kia cho dù rẫy của nhà này chưa hoàn thành; tuy nhiên với nhà thì không thể như thế được, phải làm cho xong một cái nhà mới làm nhà khác.

3.3. Biểu đạt đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Pa Cô

3.3.1. Trong hệ thống thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô, có một bộ phận phản ánh đời sống văn hóa tinh thần của người dân miền núi. Trong đó, những kinh nghiệm về đối nhân xử thế, truyền thống đoàn kết, đùm bọc, yêu thương, những nét đặc sắc của tập quán, văn hóa Pa Cô,... được phản ánh một cách sinh động, cụ thể.

Một số ví dụ: *Hut Lao, kibao Yoan* (đi mang quà, về chia quà) phản ánh phong tục truyền thống của người Pa Cô trong quan hệ thông gia. Người Pa Cô, khi đi thăm con gái và gia đình sui gia bao giờ cũng phải chuẩn bị gửi quà (bánh sừng, xôi, gà...), đến khi trở về cũng được gia đình sui gia tiễn bằng gửi quà không trùng với những gì đã mang đi (cơm, thịt lợn, hạt ma nảo...) để khi về có thể chia cho những người thân thích, họ hàng bên mình.

Kil kăllong pahoar, koor kăllong dooi (siêng bền, khỏi chạy) phản ánh truyền thống cần cù, chịu khó của người Pa Cô. Siêng làm lụng, bền nhứt thì khỏi phải chạy vạy xa gần mà mệt sức, tốn công, lại chưa chắc chắn đã được gì. Nghĩa bóng câu tục ngữ là: trong cuộc sống mưu sinh, nếu chăm chỉ, chất chiu sẽ khỏi chật vật, thiếu thốn.

Proaq hôi ităq lilăq, a-ăi a-ăk hôi cheet pitq (đổ mồ hôi, sôi nước mắt) phản ánh sự khó khăn, gian khổ của đồng bào Pa Cô trong cuộc sống mưu sinh của mình. Nghĩa bóng của thành ngữ chỉ làm lụng hết sức vất vả, cực nhọc để có được kết quả mong đợi.

Daq mắt hôi tatoôq (nước mắt chảy xuôi) phản ánh về quy luật tình cảm trong cuộc sống gia đình. Giọt nước mắt bao giờ cũng chảy xuống, như trong gia đình, cha mẹ, ông bà, cô dì... bao giờ cũng thương yêu con cháu nhiều hơn và tự nhiên hơn là con cháu yêu thương lại.

Kop krăi kârna, achâng krăi pârýeéh (bắt đúng mạch, đo đúng lối) phản ánh phương pháp, kinh nghiệm của người dân khi khám chữa bệnh cũng như khi đi đường. Khi bắt mạch đoán bệnh thì phải bắt đúng mạch thì mới chữa bệnh được; tương tự, khi đo lối đường để đi thì phải đúng lối, đúng ngã thì mới đúng đường, đến đích được. Nghĩa của tục ngữ là: trong hoạt động thực tiễn, có nắm bắt vấn đề chính xác mới tìm ra cách giải quyết phù hợp.

Kuseénh klǎng, apiêng yêr (rắn chẳng, nhện giăng) là thành ngữ phản ánh niềm tin tâm linh của cộng đồng dân cư Pa Cô. Theo niềm tin dân gian, khi gặp rắn chặn đường, nhện giăng trước mặt, sẽ có chuyện không lành.

3.3.2. Cũng như các cộng đồng dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam, cộng đồng người Pa Cô cũng có một đời sống văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng. Đó là truyền thống yêu thương, đoàn kết, nhường cơm xẻ áo, chịu thương, chịu khó trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt cộng đồng, trong đấu tranh chống ngoại xâm và chinh phục tự nhiên. Truyền thống văn hóa ấy được phản ánh một cách cụ thể và sinh động trong hệ thống tục ngữ của đồng bào Pa Cô.

a. Tục ngữ phản ánh quan hệ tình cảm gia đình, tình làng nghĩa bản

Một số ví dụ: *Tayung mắt târ plốh, cha sup târ nhoong*. (Ăn mặc thì nhìn nhau, đứng bóng xé chiều thì hỏi thăm)

Sống trong một cộng đồng, gia đình, khi ăn khi mặc cũng phải nhìn qua nhìn lại; khi trời chiều, bóng ngày càng dần tắt đi thì cũng phải đến thăm nhau, hỏi han nhau cho vui cửa ảm nhà. Câu tục ngữ là lời khuyên răn: đã sống chung trong một môi trường, một hoàn cảnh thì phải biết chia sẻ khi hưởng thụ và biết đỡ đần khi hoạn nạn.

Deep dúng nnau, dúng ngkóh thum, a-um dúng nnau, dúng ngkóh ieaq (Nếp nhà ai, nhà ảm thơm, ngô nhà ai, nhà ảm rang)

Từ thực tế cuộc sống hàng ngày, nhà nào nấu cơm nếp thì nhà ảm hưởng mùi thơm; nhà nào có ngô thì nhà ảm rang, câu tục ngữ khuyên nhau rằng: thứ có được (hay điều mắc phải) thuộc nhà ai, nhà ảm hưởng (gánh hay chịu). Theo cách hiểu khác: chuyện nhà ai, nhà ảm biết, không nên buồn chuyện, đưa chuyện đàm tiếu nhà người khác gây mất tình nghĩa.

Soot iteek, joat keek ibeo (Mù lòa thì dốt, què quặt thì công)

Khi thấy người ta mù lòa thì đưa tay dắt dẫn, khi thấy người ta què quặt thì quý gỏi, kẻ lưng để công, địu. Câu tục ngữ là lời khuyên cần đỡ đần nhau khi khó khăn, khi hoạn nạn.

Lǎng ape kaket, ngai rôp, lǎng ape saseéh, ngai tavơơ târmoóng (Yêu trẻ, trẻ đến gần, yêu già, già ban sự sống)

Có yêu quý trẻ thơ, con trẻ thì mới được chúng gần gũi, kề cạnh; có kính trọng người lớn tuổi, cụ già thì mới được họ ban phúc lành, sự sống. Câu tục ngữ là một bài học về đối nhân xử thế: kính trên, nhường dưới, sống thân thiện với mọi người.

Kâmpǎi kayóh mǎrmaih thốq, aem achai ma abóh aem achai (Vợ chồng chung phận, anh em đồ lửa nhà anh em.)

Người Pa Cô nhận thức rằng, vợ với chồng mới chung phận, chung cảnh sống, nâng niu và thấu hiểu nhau; còn anh em tuy là ruột thịt nhưng ai nấy phải lo cho cuộc sống gia đình của mình nên không thể sớm tối bên nhau được. Bởi vậy, mỗi người cần phải biết đặt quan hệ vợ chồng vào vị trí quan trọng trong mối quan hệ gia đình, anh em.

b. Tục ngữ phản ánh sự nhìn nhận, đánh giá nhân cách con người

Ví dụ: *Sua dúng ânvi ngai sak ngai klǎng, sua tikuôi ân o kǎr chẳng pápi* (Tìm nhà thì nhìn cột kèo khéo đẽo dũa, tìm người thì tìm lời ăn tiếng nói đẹp)

Nghĩa đen là để đánh giá ngôi nhà đẹp thì phải nhìn vào các cột, kèo của nhà, xem có đẽo, đục có khéo hay không; còn khi đánh giá con người thì tìm nghe lời ăn nói, cách giao tiếp xem có lịch thiệp, tinh tế hay không. Câu tục ngữ đúc kết một kinh nghiệm trong việc lựa chọn người tài cũng như người tốt.

Tikuôi kasoot mắt kapăt lom, lâiq hoi idoi lâih hoi ki-num (Người nhắm mắt che đây lòng, không thể tin dùng được)

Người Pa Cô có kinh nghiệm rằng, trong giao tiếp, ai đó miệng nói, mắt nhắm là người không thật, thường che dấu suy nghĩ thật của mình; những người như thế không thể tin tưởng được. Đó là kinh nghiệm nhận diện người không chính trực.

Kang pârnai vâlvét bâlbot, chot lom moot pállung (Lời lẽ thanh tao, xao lòng động dạ)

Lời nói, lí lẽ nhẹ nhàng cùng với ánh nhìn trù mến, cử chỉ tao nhã sẽ khiến cho người nghe thấy xao động, yêu mến trong lòng. Đó là kinh nghiệm trong việc nhận diện người tốt, người đẹp nét qua lời ăn tiếng nói.

c. Tục ngữ phản ánh vai trò của giáo dục đối với sự hình thành nhân cách của con người

Ví dụ: *Asoóng heng, heng te nom, tikuôi tubeeq, tubeeq te keet* (Gai nhọn thì nhọn từ lúc non, người giỏi thì giỏi từ lúc nhỏ)

Từ nghĩa cụ thể là: gai của cây gai từ khi nhú non đã nhọn, sự tài giỏi của con người vốn được thể hiện từ tấm bé, câu tục ngữ khẳng định một quy luật về giáo dục con người tài giỏi hay ngu dốt đều phải qua một quá trình lâu dài, khởi từ tấm bé.

I-ăt tu dung kô tâng kóng, ipong tu tâltiah kô lâlâu (Khi ở nhà, thành gia thất, khi ra ngoài, độc thân lịch lãm)

Khi ở nhà thì phải thể hiện là người đã thành gia thất, chừng chạc gương mẫu, đúng vai trò, vị trí; khi ra ngoài thì thay đổi phong thái như người độc thân, lịch lãm, phong lưu. Câu tục ngữ khuyên dạy mọi người cần biết thích nghi trong ứng xử cộng đồng, hòa mình vào từng môi trường sinh hoạt.

Tubeeq i joon ngai nhor, a choa i joon ngai amooih (Khôn để người ta nhờ, dại để người ta thương)

Từ ý nghĩa cụ thể: khôn thì khi gặp biến có thể chuyển nguy thành an để người đời nhờ cậy và tin tưởng; còn trong tình cảnh nào đó, nếu không thể ứng biến thì hãy thành thật để người ta thương. Câu tục ngữ này thể hiện về sự chấp nhận đối với hành vi ứng xử của người trưởng thành.

d. Tục ngữ phản ánh kinh nghiệm vượt khó, vượt khổ để hoàn thiện bản thân, xây dựng gia đình và phát triển cộng đồng

Ví dụ: *Ngai kadúng icha ibôn, ibur sãi, ingăi ibih jeam* (Đói ăn măng, đắng thuốc thêm nước)

Từ ý nghĩa cụ thể: trong cảnh đói khó, lương thực, thực phẩm tự làm ra không đủ ăn thì vào rừng tìm ăn măng cho qua cơn đói; trong cảnh ốm đau, bệnh tật thì phải uống thuốc, thuốc đắng thì thêm nước vào để uống cho trôi, để lành bệnh. Câu tục ngữ khái quát một phương châm sống: biết tìm giải pháp căn cơ để vượt qua các trở lực trong cuộc sống.

A-năq achúh tu vu daq, ngkâp roanh târtăh dăh târlôi (Dầu gặp thác ghềnh, vực sâu, đừng nỡ bỏ rơi nhau)

Trong những đoạn đường, những chuyến mưu sinh, dầu có gặp phải thác ghềnh chênh vênh, vực sâu hun hút, có thể gây tai nạn, thương vong, thì cũng đừng vì sự an nguy của riêng mình mà nỡ lòng

bỏ rơi người, đồng nhóm. Bài học từ câu tục ngữ trên là: Khi đối diện với trở ngại, hiểm nguy thì phải biết yêu thương, đùm bọc nhau.

Những ví dụ vừa phân tích ở trên cho thấy, mặc dù tục ngữ là những phán đoán, những suy lí về bài học đúc kết kinh nghiệm trong lao động sản xuất, đấu tranh xã hội, chinh phục tự nhiên, đối nhân xử thế,... nhưng được diễn đạt dưới những hình thức ngôn ngữ ngắn gọn, cô đọng, hàm súc. Vì vậy, rất nhiều câu tục ngữ đã sử dụng phương pháp diễn đạt bằng hình ảnh, hình tượng. Bên cạnh ý nghĩa logic thực tại (nghĩa đen, nghĩa trực tiếp), nhiều câu tục ngữ còn mang nghĩa bóng (nghĩa khái quát, nghĩa hình tượng). Do đó, việc sử dụng các quy tắc tu từ như ẩn dụ, so sánh, đối lập (tương phản),... không chỉ là “độc quyền” của thành ngữ mà còn được vận dụng khá phổ biến trong tục ngữ Pa Cô.

4. Kết luận

Những ví dụ được dẫn ra và phân tích ở trên là những minh chứng tiêu biểu về giá trị biểu đạt của hệ thống thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô. Có thể nói, không gian văn hóa sinh tồn cũng như truyền thống, tập quán văn hóa của người Pa Cô đã được biểu hiện một cách cụ thể, sinh động qua hệ thống thành ngữ, tục ngữ.

Qua hệ thống thành ngữ, tục ngữ tiếng Pa Cô, bức tranh về thế giới tự nhiên như sông suối, núi rừng, nương rẫy, các loài muông thú,... được phản ánh một cách sinh động, cụ thể. Cuộc sống lao động sản xuất của người Pa Cô chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt, làm nương rẫy. Vì vậy những kinh nghiệm về chăn nuôi, trồng trọt mà các thế hệ người Pa Cô tích lũy được đều được phản ánh trong hệ thống thành ngữ, tục ngữ. Không những thế, trong quá trình sinh sống, xây dựng, phát triển cộng đồng, chinh phục tự nhiên, người Pa Cô đã thường xuyên có những trải nghiệm với môi trường tự nhiên khắc nghiệt, núi cao, rừng rậm, mưa dầm, lũ quét,... Vì vậy, người Pa Cô chỉ nhìn vào những biểu hiện của các đối tượng trong tự nhiên như cây cỏ, muông thú, mặt trời, mặt trăng,... là biết được sự biến đổi của thời tiết, khí hậu, để có phương án phòng chống có hiệu quả. Cộng đồng người Pa Cô cũng có một đời sống văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng. Đó là truyền thống yêu thương, đoàn kết, nhường cơm xẻ áo, chịu thương, chịu khó trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt cộng đồng, trong đấu tranh chống ngoại xâm và chinh phục tự nhiên. Tất cả đều được thể hiện một cách cụ thể, tinh tế và sâu sắc qua hệ thống thành ngữ, tục ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2005.
2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập I, Nxb Giáo dục, 2007.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
4. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 2008.
5. Kê Suu, *Cấu tạo từ tiếng Ta Ôi (trong sự so sánh với tiếng Việt)*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2013.
6. Kê Suu, *Tục ngữ Pa Cô - Ta Ôi*, Nxb Hội Văn học dân gian Việt Nam, 2017.
7. Tạ Văn Thông, *Từ điển Việt - Pa Cô - Ta Ôi, Pa Cô - Ta Ôi - Việt*, Nxb Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2016.
8. Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, 2003.